

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 12/4/2019

V/v: “Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN - TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân

1. Ông Phạm Hữu Kinh
2. Bà Võ Thị Lan

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án, TAND thị xã Điện Bàn

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hòa - Kiểm sát viên

Trong ngày 12 tháng 4 năm 2019 tại Hội trường TAND thị xã Điện Bàn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 400/2018/TLST-HNGĐ, ngày 11/12/2018 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08/3/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Bé M- Sinh năm 1990 (có mặt)

Nơi ĐKTT: Khối HMĐA, phường ĐD, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

Chỗ ở: Khối 6, phường TH, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam

2. Bị đơn: Ông Lương E- Sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khối HMĐA, phường ĐD, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/11/2018 và các lời khai tại Tòa nguyên đơn bà Trần Thị Bé M trình bày: Bà Trần Thị Bé M và ông Lương E kết hôn vào ngày 09/4/2011, có đăng ký kết hôn tại UBND phường ĐD, kết hôn trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà cha, mẹ ông E được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, ông E thường

xuân say rượu về nhà kiếm chuyện gây gổ, đánh đập vợ, không dừng lại ở đó ông E còn quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, không chịu đựng cuộc sống như thế nên bà M đã bỏ về nhà cha, mẹ sống riêng từ tháng 8/2018 đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, bà M yêu cầu ly hôn ông E.

Về con chung: Có 02 con

- Lương Văn Q - Sinh ngày 11/6/2008
- Lương Hữu N - Sinh ngày 15/02/2010

Hai con hiện nay đang sống cùng bà M, khi ly hôn bà M yêu cầu được nuôi 2 con chung, yêu cầu ông E cấp dưỡng nuôi 2 con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn ông Lương E đã được Tòa án giao thông báo về việc thụ lý vụ án, bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án không làm việc được với ông Lương E nên không có lời khai của ông Lương E trong hồ sơ vụ án.

Tóm tắt ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử được phân công giải quyết và xét xử vụ án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn chấp hành pháp luật, bị đơn ông Lương E nhiều lần vắng mặt không có lý do

+ Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX xử cho bà Trần Thị Bé M được ly hôn ông Lương E, giao 2 con cho bà M nuôi dưỡng và buộc ông E cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, ông E có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai được cản trở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị Bé M yêu cầu ly hôn và giải quyết con chung đối với ông Lương E, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS tranh chấp ly hôn và nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện. Ông Lương E có nơi cư trú tại phường ĐD, thị xã Điện Bàn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Lương E đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Bé M và ông Lương E kết hôn vào ngày 09/4/2011, có đăng ký kết hôn tại UBND phường ĐD, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Bé M và ông Lương E là hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà M khai là do E thường xuyên say rượu về nhà kiếm chuyện gây gỗ, đánh đập vợ, không dừng lại ở đó ông E còn quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, không chịu đựng cuộc sống như thế nên bà M đã bỏ về nhà cha, mẹ sống riêng từ tháng 8/2018 đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn nên bà M yêu cầu ly hôn ông E. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông E vắng mặt không có lý do nên Tòa án không làm việc được với ông Lương E, không xác định được ý kiến của ông E đối với yêu cầu ly hôn của bà M. Tòa án không hòa giải để động viên vợ, chồng về đoàn tụ chung sống do ông E nhiều lần vắng mặt không có lý do, tuy nhiên qua điều tra, xác minh thì được biết ông E làm thợ hồ thường xuyên nhậu nhẹt về nhà kiếm chuyện gây gỗ với bà M, bà M dẫn 2 con về nhà mẹ ruột tại Hội An để sống riêng từ tháng 9/2018 đến nay. Trong trường hợp này xét thấy vợ chồng bà M mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và thực tế hai người không còn chung sống với nhau từ tháng 8/2018 đến nay, do đó yêu cầu ly hôn của bà M là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận xử cho bà M được ly hôn ông E là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Lương Văn Q và Lương Hữu N hai con hiện nay đang sống cùng bà M, bà M yêu cầu được nuôi 2 con chung. Xét yêu cầu của bà M thấy rằng: Hai con đã sống cùng bà M từ nhỏ đến nay, trong thời gian vợ chồng sống ly thân 2 con sống cùng bà M được bà M chăm sóc nuôi dưỡng rất tốt và cả hai đều có nguyện vọng được sống cùng mẹ sau khi ly hôn. Hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án, ông E không đến Tòa để trình bày ý kiến của mình, điều đó chứng tỏ ông E không có yêu cầu đối với vấn đề nuôi con chung. Do đó để đảm bảo ổn định đời sống vật chất và tinh thần cho các con, đáp ứng nguyện vọng của con từ đủ 7 tuổi trở lên, đồng thời giữ nguyên môi trường sống và học tập của con chưa thành niên, HĐXX cần phải giao 2 con cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Bà M yêu cầu ông E cấp dưỡng nuôi 2 con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét yêu cầu của bà M thấy rằng: Theo khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”*. Bà M yêu cầu ông E cấp dưỡng nuôi con chung là đúng quy định của pháp luật và mức cấp dưỡng bà M yêu cầu 2.000.000 đồng mỗi tháng là phù hợp. Để đảm bảo lợi ích về mọi mặt cho con và đáp ứng nhu cầu chi phí sinh hoạt hàng ngày của con chưa thành niên, do đó HĐXX buộc ông E phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 2 con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng, nuôi mỗi con một tháng là 1.000.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng được tính kể từ tháng 4/2019 đến khi 2 con đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, ông E có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Tự giải quyết, nên không xét

[6] Về án phí: Căn cứ Luật phí và lệ phí, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và khoản 4

Điều 147 BLTTDS thì bà M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, ông E phải chịu 300.000 đồng án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình, Điều 468 Bộ luật Dân sự, Luật Phí và Lệ phí, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bé M đối với ông Lương E về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị Bé M đối với ông Lương E

2. Về nuôi con chung: Có 02 con chung

+ Lương Văn Q - Sinh ngày 11/6/2008

+ Lương Hữu N - Sinh ngày 15/02/2010

Giao Lương Văn Q và Lương Hữu N cho bà Trần Thị Bé M trực tiếp nuôi dưỡng (*Lương Văn Q và Lương Hữu N hiện nay đang chung sống cùng bà Trần Thị Bé M*).

Buộc ông Lương E phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 2 con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Trong đó nuôi mỗi con hàng tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Thời hạn cấp dưỡng được tính kể từ tháng 4/2019 đến khi Lương Văn Q và Lương Hữu N đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, ông Lương E có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình..

3. Về án phí: Bà Trần Thị Bé M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu số: 0001615 ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn. Bà Trần Thị Bé M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lương E phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án của Tòa gửi đến./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thị xã Điện Bàn;
- UBND phường ĐD;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Thị Nhung